

Bản án số: 410/2021/DS-PT

Ngày: 13 - 12 - 2021

V/v: “Tranh chấp chia di sản thừa
kế”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Đỗ Đình Thanh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Đức Anh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, Tòa
án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ
án thụ lý số 182/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp
chia di sản thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2020/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2020
của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2600/2021/QĐ - PT
ngày 23 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Lý Thị Mỹ N, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: Số 161, PHT, phường P4, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Lý Chí C, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: 159/3 HV, phường P7, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Lý Thị Ngọc K, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: 79/12 XVNT, Phường TT, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa - Vũng
Tàu.

4. Bà Lý Thị Ngọc D, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: 25B TQD, phường P9, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

5. Bà Phạm Thị Ngọc Ph, sinh năm 1961(vắng mặt)

Địa chỉ: 79/12 XVNT, Phường TT, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ph, ông C, bà K, bà D là bà Lý Thị Ngọc T, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Số 32/38, LB, phường P4, thành phố CM, tỉnh Cà Mau

6. Bà Lý Thị Ngọc T, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: Số 32/38, LB, phường P4, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, bà Ph, ông C, bà K, bà D: Luật sư Phan Khánh D, thuộc Công ty Luật TNHH LS, thuộc đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

7. Ông Lý Thành Nh, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp VL, xã TT, huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:*

1. Bà Lý Thị Mỹ D1, sinh năm 1949 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 188/4, PHT, khóm 2, phường P4, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D1: Bà Lê Thị Tuyết Tr, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: 4.06 Chung cư 67-69 HTL, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Lý Thị Mỹ H, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Số 355, LTT, phường P4, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lý Như L, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: USA.

Địa chỉ hiện nay: OK 74012, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Lê Thị Thanh Tr (có mặt)

Địa chỉ: Phường P5, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Lý Thanh T1, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp BĐ, xã TP, huyện DD, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Lý Việt H1, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp BĐ, xã TP, huyện DD, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Lý Thị Mỹ N2, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: CA 92683, USA.

5. Bà Lý Thị Mỹ A, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Địa chỉ: CA 92683, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mỹ N2, bà Mỹ A là ông Ông Lý Việt H1, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp BD, xã TP, huyện DD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn Bà Lý Thị Mỹ D1, bà Lý Thị Mỹ H; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Như L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/12/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa các nguyên đơn trình bày:

Cụ Lý Mộc H2, sinh năm 1924 và cụ Nguyễn Thụy M sinh năm 1924, có 11 người con nhưng đã chết 01 người lúc còn nhỏ, còn lại 10 người gồm: Lý Thị Mỹ N, Lý Thành Nh, Lý Thị Mỹ Dung, Lý Thị Mỹ H, Lý Thị Mỹ A, Lý Thị Mỹ N2, Lý Việt H1, Lý Thanh T1, Lý Như L, Lý Chí D1 (đã chết năm 2009, có vợ là Phạm Thị Ngọc Phượng và con là Lý Thị Ngọc D, Lý Thị Ngọc T, Lý Thị Ngọc K, Lý Chí C). Hiện tại còn lại 9 anh em, trong đó có 03 người đang sinh sống ở nước ngoài.

Cụ H2 qua đời ngày 15/7/2012 và cụ M qua đời ngày 05/7/2005, cả hai cụ chết không để lại di chúc. Trước khi qua đời, cụ H2 và cụ M sống tại căn nhà số 161, PHT, khóm 2, phường P4, thành phố CM, tỉnh Cà Mau. Nhà và đất trên là tài sản chung của cụ H2 và cụ M. Nhà và đất hiện nay chưa có giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nhưng có kê khai sử dụng đất là Nguyễn Trung M (do ghi nhầm tên Nguyễn Thụy M) với diện tích là 128m² đất ở, thuộc thửa số 28, tờ bản đồ số 07 lập năm 2008, theo đo đạc thực tế phần đất có tổng diện tích là 124,5m², trên đất có căn nhà cấp 4 xây dựng cơ bản diện tích ngang 4,3m dài 23m.

Đồng thời có đóng thuế sử dụng đất phi nông nghiệp do ông Lý Như L đóng. Sau khi ông L đi định cư ở Hoa Kỳ thì ông Lý Việt H1 có đến tạm trú một thời gian để giữ gìn nhà cửa.

Nay đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ H2 và cụ M để lại là căn nhà và đất tại số 161, PHT, khóm 2, phường P4, thành phố CM, tỉnh Cà Mau, diện tích phần đất là 128m², loại đất ở, thuộc thửa số 28, tờ bản đồ số 07 lập năm 2008, theo đo đạc thực tế phần đất có tổng diện tích là 124,5m², yêu cầu chia đều cho các hàng thừa kế, mỗi người một kỷ phần bằng nhau và nhận bằng tiền. Do ông D1 đã chết năm 2009 nên kỷ phần của ông D1 được nhận thì vợ và các con ông D1 là Bà Phạm Thị Ngọc Ph và con là Lý Thị Ngọc D, Lý Thị Ngọc T, Lý Thị Ngọc K, Lý Chí C yêu cầu được nhận một kỷ phần.

Bị đơn Bà Lý Thị Mỹ D1 trình bày:

Bà D1 thống nhất với các nguyên đơn cha mẹ của bà là cụ Lý Mộc H2 và cụ Nguyễn Thụy M, có 11 người con nhưng đã chết 01 người lúc còn nhỏ, còn

lại 10 người, thời gian cha mẹ bà qua đời như các đồng nguyên đơn trình bày là đúng, cả hai cụ chết không để lại di chúc.

Nguồn gốc phân nhà và đất tại số 161, PHT, khóm 2, phường P4, thành phố CM, tỉnh Cà Mau là tài sản của cha mẹ bà để lại, nhà và đất chưa được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nhưng cụ H2, cụ M đã quản lý từ năm 1950 không có tranh chấp, trên đất có căn nhà cấp 4 xây cơ bản đã xuống cấp. Năm 2016, em bà là Lý Thị Mỹ A, Lý Thị Mỹ N2 và Lý Như L ở nước ngoài về đã bỏ tiền ra sửa chữa lại căn nhà khoản 300.000.000 đồng để làm nhà thờ cúng ông bà.

Đối với yêu cầu của các đồng nguyên đơn về việc chia di sản là nhà và đất nói trên thì bà không đồng ý, bà yêu cầu giữ lại để làm nhà thờ cúng cha mẹ bà. Nếu sau này có bán thì bà đồng ý chia cho bà N, ông Nh và con ông D1 mỗi người một phần.

Đối với giá trị căn nhà theo các hàng thừa kế đưa ra là 2.400.000.000 đồng thì bà không có nhu cầu nhận nhà, mà yêu cầu nhận một kỷ phần bằng tiền nếu các nguyên đơn đồng ý giá trị căn nhà và đất là 2.000.000.000 đồng thì bà đồng ý nhận nhà và giao trả tiền lại cho các hàng thừa kế khác.

Bị đơn bà Lý Thị Mỹ H trình bày:

Nguồn gốc phân nhà và đất tọa lạc tại số 161, PHT, khóm 2, phường P4, thành phố CM, tỉnh Cà Mau là tài sản của cha mẹ bà là cụ H2 và cụ M để lại, cha mẹ bà chết không để lại di chúc, nhà và đất chưa được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nhưng cụ H2, cụ M đã quản lý từ năm 1950 không có tranh chấp, trên đất có căn nhà cấp 4 xây cơ bản nhà hiện nay để thờ cúng cha mẹ bà, không ai quản lý trực tiếp.

Đối với giá trị căn nhà theo các hàng thừa kế đưa ra là 2.400.000.000 đồng thì bà không có nhu cầu nhận nhà, mà yêu cầu nhận một kỷ phần bằng tiền.

Bà xác định có liên hệ với ông Lý Như L thì ông L muốn nhận lại căn nhà đất với giá 2.000.000.000 đồng và giao tiền của các kỷ phần lại cho anh chị em. Nhưng ông L chưa làm thủ tục ủy quyền cho bà.

Trước khi chia thừa kế, bà yêu cầu trừ lại số tiền mà bà Lý Thị Mỹ A, Lý Thị Mỹ N2 và Lý Như L đã bỏ ra sửa chữa lại căn nhà, số tiền khoản 300.000.000 đồng để làm nhà thờ cúng cụ H2 cụ M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Mỹ A, bà Lý Thị Mỹ N2 ủy quyền cho ông Lý Việt H1 trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của các đồng nguyên đơn về di sản chia thừa kế và hàng thừa kế thứ nhất của cụ H2 và cụ M

Nhà và đất trên là di sản chung của cụ H2 và cụ M để lại, khi cha mẹ ông qua đời không để lại di chúc và phần di sản nhà và đất hiện nay vẫn chưa chia. Nên các đồng nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế thì bà Mỹ A, bà Mỹ N2 đồng ý. Đồng thời, bà Mỹ A, bà Mỹ N2 có yêu cầu độc lập để chia di sản là nhà và đất

nêu trên theo quy định pháp luật và yêu cầu được nhận mỗi người một kỷ phần theo quy định của pháp luật.

Năm 2016, bà Mỹ A ở nước ngoài về đã bỏ tiền ra sửa chữa lại căn nhà số tiền khoản 250.000.000 đồng nên trước khi chia thừa kế thì bà Mỹ A yêu cầu trả lại cho bà Mỹ A số tiền 250.000.000 đồng, đây là tiền bà Mỹ A đã bỏ ra để sửa chữa nhà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Việt H1 trình bày:

Ông thống nhất theo đơn khởi kiện các đồng nguyên đơn chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản là quyền sử dụng đất và căn nhà cấp 4 cất trên đất, tọa lạc tại số 161, PHT, khóm 2, phường P4, thành phố CM, tỉnh Cà Mau. Nhà và đất trên là di sản chung của cụ H2 và cụ M để lại, khi cha mẹ ông qua đời không để lại di chúc và phần di sản nhà và đất hiện nay vẫn chưa chia. Nên các đồng nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế thì ông đồng ý.

Riêng ông đã được cha mẹ cho phần đất tại ấp BĐ, xã TP, huyện DD, tỉnh Cà Mau và hiện nay các anh em cũng thống nhất chia cho ông phần đất trên nên đối với nhà và đất tọa lạc tại số 161, PHT, khóm 2, phường P4, thành phố CM, tỉnh Cà Mau ông từ chối nhận kỷ phần mà ông nhường lại cho các đồng thừa kế khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Thanh T1 trình bày:

Theo đơn khởi kiện các đồng nguyên đơn chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản là quyền sử dụng đất và căn nhà cấp 4 cất trên đất, tọa lạc tại số 161, PHT, khóm 2, phường P4, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

Nhà và đất trên là di sản chung của cụ H2 và cụ M để lại, khi cha mẹ ông qua đời không để lại di chúc và phần di sản nhà và đất hiện nay vẫn chưa chia. Nên các đồng nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế thì ông không có ý kiến gì.

Riêng ông đã được cha mẹ cho phần đất tại ấp BĐ, xã TP, huyện DD, tỉnh Cà Mau và hiện nay các anh em cũng thống nhất chia cho ông phần đất trên nên đối với nhà và đất tọa lạc tại số 161, PHT, khóm 2, phường P4, thành phố CM, tỉnh Cà Mau ông từ chối nhận kỷ phần mà ông nhường lại cho các đồng thừa kế khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông T1 xác định: Nếu các anh em thống nhất căn nhà và đất giá 2.400.000.000 đồng thì ông xin nhận di sản và hoàn tiền lại cho các đồng thừa kế.

Tại bản án dân sự sơ thẩm 14/2020/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, Điều 36, Điều 37, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609, 610, 613, 620; các Điều 623; Điều 649; 650; 651, 652 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Lý Thị Mỹ N, ông Lý Thành Nh, Bà Phạm Thị Ngọc Ph, chị Lý Thị Ngọc D, chị Lý Thị Ngọc T, chị Lý Thị Ngọc K, ông Lý Chí C và chấp nhận yêu cầu độc lập của Lý Thị Mỹ A, Lý Thị Mỹ N2 về việc chia thừa kế theo pháp luật.

Giao cho ông Lý Thanh T1 nhà và đất có diện tích 124,5m², nhà đất tọa lạc tại 161 đường PHT, khóm 2, phường P4, thành phố CM, tỉnh Cà Mau có tứ cận:

Ngang mặt tiền giáp đường PHT M1M2 dài 4,50m

Ngang mặt hậu giáp đất Huỳnh Hữu Thiện M6M5 dài 5,02m

Chiều dài một bên giáp đất Trần Thị Xuân Mai M1M6 dài 26,39m (M1M9=15,17m; M9M7=0,82m; M7M6=10,40m)

Chiều dài một bên giáp đất Trần Duy Anh M2M5 dài 26,40m (M2M3=16m; M3M5=10,40m) (kèm theo bản trích đo hiện trạng của Trung tâm kỹ thuật, công nghệ, quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau).

Buộc ông Lý Thanh T1 có nghĩa vụ giao lại cho bà Lý Thị Mỹ A 250.000.000 đồng.

Buộc ông Lý Thanh T1 có nghĩa vụ giao lại cho các hàng thừa kế gồm: bà Lý Thị Mỹ N, ông Lý Thành Nh, bà Lý Thị Mỹ A, bà Lý Thị Mỹ N2, Bà Lý Thị Mỹ D1, bà Lý Thị Mỹ H mỗi người là 268.750.000 đồng và kỷ phần của ông D1 do Bà Phạm Thị Ngọc Ph, chị Lý Thị Ngọc D, chị Lý Thị Ngọc T, chị Lý Thị Ngọc K, anh Lý Chí C được nhận, do chị Thi đại diện nhận số tiền là 268.750.000 đồng.

Ông Lý Thanh T1 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất theo thủ tục chung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 13/11/2020 bị đơn Bà Lý Thị Mỹ D1, Lý Thị Mỹ H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 15/01/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Như L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn bà H và đại diện theo ủy quyền của bà D1, đại diện theo ủy quyền của ông L có kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Việc ông L cho rằng Tòa án không gửi giấy tờ là không đúng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ giấy tờ cho ông L, nhưng ông L không có ý kiến gì. Mức giá tại cấp sơ thẩm đã đưa ra là phù hợp, bản án sơ thẩm đã tuyên là hợp tình, hợp lý. Đề đảm bảo công bằng cho các bên, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà H và đại diện theo ủy quyền của bà D1, đại diện theo ủy quyền của ông L giữ nguyên ý kiến trình bày như đã nêu trong đơn kháng cáo. Bản án sơ thẩm đã có những vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung: Phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không cung cấp được tài liệu hay tình tiết gì mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm có những sai sót về thủ tục tố tụng như sau:

[1.1] Tại mục [1.2] bản án sơ thẩm nhận định: Bà Lý Thị Mỹ H, Bà Lý Thị Mỹ D1 và ông Lý Như L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đương sự vắng mặt, không lý do. Hồ sơ vụ án thể hiện, bà H và bà D1 đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt hợp lệ tại các biên bản tổng đạt ngày 25/8/2020, 26/8/2020, 08/9/2020, 21/9/2020 (BL 303, 306, 309, 317).

Đối với ông Lý Như L, đang cư trú tại nước ngoài thì quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có 03 lần gửi tổng đạt cho ông L qua đường bưu điện. Văn bản được tổng đạt cho ông L là Quyết định phân công Thẩm phán giải quyết vụ việc, Thông báo thụ lý vụ án và Bản án sơ thẩm. Xét thấy, các văn bản mà Tòa án cấp sơ thẩm đã gửi cho ông L không có thông tin thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án (Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa). Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng ông L đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm là không chính xác.

[1.2] Tài sản được yêu cầu chia thừa kế là nhà và đất tại số 161, PHT, khóm 2, Phường P4, thành phố CM, tỉnh Cà Mau, diện tích phần đất là 128m²,

loại đất ở, thuộc thửa 28, tờ bản đồ số 07 lập năm 2008. Theo các đương sự trình bày thì nguồn gốc tài sản trên là của cụ Lý Mộc H2 và cụ Nguyễn Thụy M. Nhà và đất trên cụ H2 và cụ M chưa được cấp giấy chứng nhận, nhưng có đăng ký kê khai sử dụng đất là Nguyễn Trung M (do ghi nhầm tên Nguyễn Thụy M). Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập cơ quan quản lý đất đai tại địa phương là Ủy ban nhân dân thành phố CM, tỉnh Cà Mau vào tham gia tố tụng để xác minh nguồn gốc tài sản đang tranh chấp là thiếu sót. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời trình bày của các đương sự đã xác định nhà và đất trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của cụ H2, cụ M là chưa đủ căn cứ, ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

Cụ H2 và cụ M có 11 người con trong đó: 01 người chết lúc còn nhỏ, 03 người đang cư trú tại nước ngoài (bà Lý Thị Mỹ N2, bà Lý Thị Mỹ A, ông Lý Như L) và 07 người còn lại đang cư trú trong nước. Vậy hàng thế thứ nhất của cụ H2 và cụ M gồm 10 người: Lý Thị Mỹ N, Lý Thành Nh, Lý Thị Mỹ Dung, Lý Thị Mỹ H, Lý Thị Mỹ A, Lý Thị Mỹ N2, Lý Việt H1, Lý Thanh T1, Lý Như L, Lý Chí D1 (đã chết năm 2009, có vợ là Phạm Thị Ngọc Phượng và con là Lý Thị Ngọc D, Lý Thị Ngọc T, Lý Thị Ngọc K, Lý Chí C). Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự có mặt gồm: Bà N, bà T (đại diện theo ủy quyền của người thừa kế của ông D1), ông Nh, ông T1, ông H1 (đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà N2, bà A) đã thỏa thuận 02 nội dung: Giá trị nhà và đất số 161 PHT là 2.400.000.000 đồng; Giao căn nhà và đất trên cho ông T1 và ông T1 có nghĩa vụ hoàn trả kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại.

[2.1] Xét, thỏa thuận là việc các bên cùng đồng ý về một vấn đề sau khi đã bàn bạc, thống nhất. Như vậy, về hình thức thỏa thuận phải có sự tham gia của tất cả những người có liên quan. Ông L, bà H, bà D1 không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do vậy, kết quả thỏa thuận của các đương sự có mặt tại phiên tòa sơ thẩm không đảm bảo về hình thức khi không có ý kiến trình bày thống nhất của ông L, bà H, bà D1.

[2.2] Về nội dung thỏa thuận:

- Theo kết quả thẩm định giá ngày 19/9/2019 của Công ty cổ phần giám định và thẩm định giá EXIMVAS thì nhà và đất tại số 161 PHT có giá trị là 3.083.831.000 đồng. Trong khi giá trị nhà và đất mà các đương sự có mặt thỏa thuận là 2.400.000.000 đồng thấp hơn kết quả định giá. Kết quả thỏa thuận này gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông L, bà H, bà D1 (ảnh hưởng đến giá trị kỷ phần thừa kế).

- Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Lý Thanh T1 và ông Lý Việt H1 đã từ chối nhận kỷ phần thừa kế. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T1 trình bày nếu các anh chị em thống nhất giá trị nhà và đất là 2.400.000.000 đồng thì ông xin nhận di sản và hoàn tiền lại cho các đồng thừa kế còn lại. Xét, ông T1 không còn quyền, nghĩa vụ liên quan yêu cầu chia thừa kế đối với nhà và đất trên. Do vậy, bản chất yêu cầu của ông T1 tại phiên tòa sơ thẩm phải được xác định là đề nghị giao kết giao dịch dân sự với các đồng thừa kế của cụ H2, cụ M.

Đây là giao dịch dân sự khác không liên quan đến yêu cầu chia di sản thừa kế mà Tòa án đang giải quyết. Tòa án cấp sơ thẩm giao nhà và đất cho ông T1, đồng thời ông T1 có nghĩa vụ hoàn trả giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế khác, trong khi ông T1 không còn là những người thừa kế trong vụ án là không chính xác.

- Theo nội dung Án lệ 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 thì, Tòa án tạm giao kỷ phần thừa kế của người thừa kế ở nước ngoài cho người sống trong nước quản lý khi Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp, thu thập chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn không xác định được địa chỉ của người ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã cung cấp địa chỉ ở nước ngoài của ông L. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã có tổng đạt một số văn bản tố tụng cho ông L qua đường bưu điện. Tại các biên bản lấy lời khai, bà H trình bày ông L có ý định muốn nhận nhà đất, và hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế. Như vậy, đối chiếu với nội dung Án lệ 06/2016/AL thì ông L không thuộc trường hợp Tòa án tạm giao kỷ phần thừa kế cho người trong nước quản lý. Hơn nữa, ông T1 không có kỷ phần thừa kế, không có quyền lợi liên quan trong vụ án đang tranh chấp nên việc Tòa án cấp sơ thẩm giao kỷ phần thừa kế của ông L cho ông T1 quản lý, và tách ra giải quyết thành vụ việc khác khi ông L có yêu cầu nhận lại kỷ phần là không có căn cứ.

[2.3] Theo bà H trình bày năm 2016 các ông bà Lý Thị Mỹ N2, Lý Thị Mỹ A và Lý Như L cùng bỏ ra số tiền 300.000.000 đồng để sửa chữa nhà. Bà Mỹ A yêu cầu phải trừ số 250.000.000 đồng sửa chữa nhà cho bà trước khi chia thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Mỹ A, trừ số tiền 250.000.000 đồng vào giá trị tài sản trước khi chia thừa kế. Tuy nhiên, theo trình bày của các đương sự thì số tiền sửa chữa nhà là do 03 người bà N2, bà K Anh, ông L cùng bỏ ra. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có mặt xác định số tiền sửa chữa nhà 250.000.000 đồng là của bà Mỹ A khi không có ý kiến của bà N2 và ông L là gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã có những thiếu sót về tố tụng khi không thu thập đầy đủ ý kiến trình bày của đương sự, dẫn đến việc giải quyết vụ án không chính xác ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D1, bà H, ông L; Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[4] Do hủy bản án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Lý Thị Mỹ D1, bà Lý Thị Mỹ H, ông Lý Như L.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DS-ST ngày 29/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau; Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lý Thị Mỹ D1, bà Lý Thị Mỹ H, ông Lý Như L không phải chịu. Hoàn trả cho ông Lý Như L 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000097 ngày 29/01/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- ND (7);
- BD (2);
- NLQ (5);
- Lưu (10) 29b (Án VTPT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên